

Bản án số: 49 /2017/HSST
Ngày: 24/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lộc Sơn Thái.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lô Thùy Linh.
2. Ông Hoàng Văn Nguyên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Mã Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 38/2017/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Đỗ Văn H** (tức H1), sinh ngày 18/11/1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ T, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Đỗ Mạnh K, sinh năm 1949; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1952; Vợ: Dương Thị T, sinh năm 1987 (đã ly hôn); Con: Có 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2014); Tiền án: Ngày 25/11/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 26 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Tiền sự: Không; Bị can bị giam, giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 07/12/2016 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Trần Hoàng D** (D1), sinh ngày 15/9/1998; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố 3, C, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn H, sinh năm 1966; Con bà: Hà Thị Thanh T, sinh năm: 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 29/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Lạm dụng tín

nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tiền sự: Không; Bị cáo bị giam, giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 07/12/2016 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Nguyễn Nam Q** (tức Q1), sinh ngày 30/01/1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Đăng H, sinh năm 1940; Con bà: Nông Thị N, sinh năm: 1954; Vợ: Lăng Thị T - sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị giam giữ tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 12/3/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo **Nguyễn Minh S**, sinh ngày 29/9/1997; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Đình H, sinh năm 1966; Con bà: Phạm Thị Ngọc H, sinh năm: 1976; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/5/2017. Có mặt tại phiên tòa.

5. *Người bị hại:*

5.1. **Anh Nguyễn Văn C**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt lần 2 không có lý do

5.2. **Anh Hoàng Văn T**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5.3. **Anh Lữ Văn L**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt. Vắng mặt lần 2 không có lý do

5.4. **Chị Hoàng Thị Q**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn D, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Anh Đỗ Văn A**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ T, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt có lý do xin xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Nguyễn Minh S bị Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng từ giữa tháng 9/2016 đến đầu tháng 11/2016, Bùi Văn G, sinh năm 1978, trú tại thôn 9, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cùng với Đỗ Văn H (H1) tạm trú tại nhà Đỗ Đức M, sinh năm 1983, ở số 54 đường C, phường V, thành phố L, Trần Hoàng D (D1), Nguyễn Nam Q (Q1) đến các lán chăn, tẩm lợn trên địa bàn xã V, huyện C để thu mua lợn yếu hoặc chết của các chủ hàng và chủ lán để mang về thành phố L hoặc vận chuyển về Quảng Ninh bán. Khoảng 06 giờ ngày 01/11/2016, G đến lán tẩm lợn của Lữ Văn L ở thôn B, xã V, huyện C thì thấy anh I là chủ hàng (lợn) người B (không rõ địa chỉ cụ thể) có 05 con lợn yếu nên hỏi mua thì anh I bảo không bán. G gọi điện thoại cho H và T từ thành phố L

xuống gặp anh I để mua 05 con lợn. Khi xuống tới nơi H hỏi I, anh I nói không bán lợn thì H nói Lợn này bọn H đã mua lại của L là chủ lán rồi và H cùng D, T đứng chặn ở đầu xe ô tô của anh I không cho xe đi ra khỏi lán. Thấy vậy, anh I gọi điện thoại cho L để hỏi sao lại bán lợn của I cho H, một lúc sau L từ nhà tại xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đi đến lán và đã xảy ra xích mích, cãi nhau với H, H đã dùng tay nắm 01 phút vào thái dương bên trái của L, thấy L bị đánh, nhóm công nhân đang làm việc ở lán chặn, tẩm lợn của L đã can, ngăn nên bọn H, D và T đi ra khỏi khu vực lán chặn lợn. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại cho Nguyễn Nam Q, K và X (không biết họ) đi từ thành phố L xuống bằng xe ô tô Mercedes biển kiểm soát: 29A-055.87 xuống lán của L mang theo dao, kiếm xông vào lán để đánh L và nhóm công nhân, nhưng L và nhóm công nhân đã chạy thoát. Sau đó Đỗ Văn H và đồng bọn đi về thành phố L.

Khoảng 13 giờ ngày 01/11/2016, H gọi điện cho Nguyễn Minh S; T, C, Z (không biết họ) từ cửa khẩu Tân Thanh đi xe ô tô taxi 04 chỗ màu xanh (không rõ biển kiểm soát) xuống thành phố L. Đỗ Văn H gọi các đối tượng đang cùng ở nhà M gồm: Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Đỗ Văn K; X, Y, H và N (không biết họ) cùng đi xuống lán chặn, tẩm lợn của L để đánh trả thù. Trước khi đi H bảo D mang theo đồ (tức dao, kiếm), D vào gầm cầu thang nhà M lấy một số dao, kiếm và tuýp sắt mang ra để vào cốp phía sau xe ô tô Inova biển kiểm soát: 30A-636.83 do Đỗ Văn K điều khiển, trên xe gồm Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Đỗ Văn K, X, Y, H và N, cả nhóm đi ra ngã tư Mỹ Sơn đợi nhóm của T, C, Z và S từ Tân Thanh đến, khi gặp nhau cả hai nhóm cùng đi xuống xã V, huyện C. Đến đoạn cầu 1, Đỗ Văn H bảo Đỗ Văn K dừng xe đổi lái cho Nguyễn Nam Q và bảo Trần Hoàng D chuyển sang xe taxi của nhóm T để chỉ đường. Khi đến nơi, xe ô tô taxi của nhóm T đi vào cổng chính, còn xe ô tô Inova biển kiểm soát: 30A-636.83 của nhóm H do Q điều khiển đi vào cổng sau (qua sân nhà anh Hoàng Văn P ở thôn B) để vào trong lán của L. Lúc này khoảng 15 giờ khi L và nhóm công nhân đang chặn, tẩm lợn thì S, C, T và Z mỗi người cầm 01 thanh kiếm; H, D, K, X cầm theo dao và tuýp sắt xông vào đánh nhóm công nhân đang tẩm lợn, do nhiều người cùng đánh nên không xác định được ai đánh trúng ai và đánh vào đâu. Còn Y, H và N, chưa xác định được có cầm theo hung khí xông vào lán tham gia đánh nhau hay không; Q vì chân đau nên không trực tiếp vào mà ngồi trên xe ô tô Inova biển kiểm soát: 30A-636.83 đợi. Hậu quả Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T, Lữ Văn L, Hoàng Thị Q bị thương. Sau khi gây án Q điều khiển xe ô tô biển kiểm soát: 30A-636.83 đưa cả nhóm về thành phố L, trên đường về Q cho xe ô tô rẽ vào đường bê tông thuộc địa phận thôn N, xã V, huyện C, để D, S và các đối tượng khác giấu số dao, kiếm vào bụi cây trên sườn đồi rồi tiếp tục đi về thành phố L và bỏ trốn.

Ngay sau khi sự việc xảy ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, truy tìm và thu giữ được 13 dao

kiểm các loại; 04 tuýp sắt tròn và 03 gậy gỗ tại sườn đồi thuộc thôn Nà L, xã V, huyện C.

Tại các bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 01, 02, 03, 04/2016/TgT ngày 19/12/2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận mức độ tổn thương cơ thể của các bị hại như sau:

- Lữ Văn L 03%;
- Hoàng Thị Q 02%;
- Hoàng Văn T 11%;
- Nguyễn Văn C 26%. Tổng tỷ lệ của 04 người là 42%.

Đây là vụ án gây thương tích có nhiều đối tượng tham gia, mặc dù cùng được xông vào lán đánh L và nhóm công nhân chặn, tẩm lộn, nhưng các đối tượng và các bị hại không biết hết họ, địa chỉ và chỗ ở của nhau, nên việc điều tra làm rõ vai trò của từng đối tượng trong vụ án gặp rất nhiều khó khăn. Sau khi khởi tố vụ án mới xác định và khởi tố được 05 bị can đã thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với Đỗ Văn K, sau khi gây án đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng đã tách vụ án để xử lý sau.

Đối với hành vi của C, T, Z được cầm kiếm; X được cầm dao xông vào lán tham gia đánh L và nhóm công nhân chặn, tẩm lộn, hành vi có dấu hiệu tội phạm, nhưng hiện tại chưa xác định được nhân thân, lai lịch và chỗ của các đối tượng nên chưa thể khởi tố, điều tra. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Y, H và N được đi cùng xe ô tô xuống địa điểm đánh nhau, nhưng chưa xác định được Y, H, N có được tham gia cầm dao kiếm xông vào lán hay không, sẽ tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với Đỗ Đức M đã cho Đỗ Văn H (H1) và một số đối tượng ăn, ở tại nhà của M để đi thu mua lộn. Sáng ngày 01/11/2016 H và các đối tượng sử dụng xe ô tô Mercedes biển kiểm soát: 29A-055.87 đi xuống lán tẩm lộn của L để đánh nhau thì M không biết. Quá trình điều tra không có căn cứ xác định M có liên quan đến vụ án, nên không xem xét trách nhiệm đối với M.

Về phương tiện (chiếc xe ô tô Inova BKS: 30A-636.83) các đối tượng sử dụng đi từ thành phố L xuống đến hiện trường để gây án, đây là xe chủ xe là Đỗ Văn H (em Đỗ Đức M) sinh năm 1985, trú tại số 13 đường L, phường V, thành phố L. H đã giao cho Nguyễn Ngọc E chủ ki ốt số 9 tại sân vận động K, thành phố L để cho thuê xe tự lái. Đỗ Văn H (sinh năm 1985) không biết việc E giao chiếc xe cho nhóm của Đỗ Văn H (H1, sinh năm 1988) sử dụng vào việc phạm tội. Hiện Nguyễn Ngọc E đã chết (do tai nạn giao thông) nên không xác minh được. Đến nay Đỗ Văn H (sinh năm 1985) đã bán chiếc xe Inova biển kiểm soát 30A-636.83 cho một người ở Hà Nội (Hà không nhớ địa chỉ). Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm phương tiện gây án, nhưng hiện tại chưa thu giữ được. Còn chiếc xe taxi

loại 04 chỗ ngồi màu xanh do T thuê chở T, C, Z và S từ Tân Thanh đến nơi gây án, đến nay cũng chưa xác định được.

Đối với chiếc xe ô tô Mercedes biển kiểm soát: 29A-055.87 do Đỗ Văn K điều khiển đưa Đỗ Văn H, Nguyễn Nam Q và X xuống lán tắm, chặn lộn của L vào buổi sáng ngày 01/11/2016, Đỗ Đức M khai là xe đã mua của Bùi Thùy D ở tổ 15, T, phường M, quận T, Hà Nội, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Hiện tại M không có mặt tại địa phương nên không xác định được ai là chủ sở hữu. Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng đã tách ra để xử lý sau.

Sau khi vụ án xảy ra, Đỗ Văn A (anh trai của Đỗ Văn H) đã nhờ Nguyễn Thị Hằng P ở số 15, T, phường D, thành phố L bồi thường cho Hoàng Văn T 20.000.000 đồng, Nguyễn Văn C 40.000.000 đồng. C và T đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cam kết không yêu cầu gì. Lữ Văn L và Hoàng Thị Q không yêu cầu bồi thường.

Ngày 07/12/2016 Đỗ Văn H và Trần Hoàng D bị bắt; ngày 13/3/2017 Nguyễn Nam Q bị bắt; ngày 23/5/2017 Nguyễn Minh S ra đầu thú. Tại Cơ quan điều tra các đối tượng đã khai nhận hành vi phạm tội.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 03/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng truy tố bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Nguyễn Minh S về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Nguyễn Minh S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, Điều 46, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 (Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D hai bị cáo tái phạm) (Áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo Nguyễn Minh S) (Áp dụng thêm Điều 51 bộ luật hình sự năm 1999 đối với Trần Hoàng D), Khoản 1 Điều 20, Điều 33, Điều 53 bộ luật hình sự 1999, Nghị quyết 41/2017/QH14, Khoản 3 điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2015.

Đề nghị xử phạt: Đỗ Văn H từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù; Trần Hoàng D từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù và tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của bản án số 104/2016 ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh tổng hình phạt chung của 2 bản án mà D phải chịu từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù; Nguyễn Nam Q từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù; Nguyễn Minh S từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Về bồi thường dân sự: Công nhận đã bồi thường xong các bị hại không yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật hình sự: đề nghị tịch thu tiêu hủy 13 con dao, kiếm các loại, 04 tuýp sắt tròn và 03 gậy gỗ.

Tại phiên tòa, các bị hại không có ý kiến tranh luận gì, các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Nguyễn Minh S nhận tội hành vi của các bị cáo đưa ra truy tố xét xử là không oan sai, không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, các bị hại, những người làm chứng.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Nguyễn Minh S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Khoảng 15 giờ ngày 01/11/2016, tại lán chăn, tấm lợp của anh Lữ Văn L ở thôn D, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nguyễn Nam Q lái xe đưa, đón Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Minh S, Đỗ Văn K và một số đối tượng khác dùng dao, kiếm, tuýp sắt, gậy gỗ xông vào lán đánh, chém gây thương tích cho: Lữ Văn L 03%; Hoàng Thị Q 02%; Hoàng Văn T 11%; Nguyễn Văn C 26%. Tổng tỷ lệ thương tích của 04 người là 42%.

Lời khai của các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Nguyễn Minh S tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người làm chứng cũng như những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này, các bị cáo đã sử dụng dao, kiếm, tuýp sắt, gậy gỗ để gây thương tích cho các bị hại là thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm” theo hướng dẫn tại tiêu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Nguyễn Minh S phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi việc làm của bản thân. Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Chỉ vì một chút mâu thuẫn nhỏ mà các bị cáo đã gây thương tích cho các bị hại Lữ Văn L, Hoàng Thị Q, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn C, chính vì vậy phải bắt các bị cáo chịu một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Do đó bản cáo trạng

của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn. Do đó để có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Cụ thể như sau:

- Đối với bị cáo Đỗ Văn H có vai trò lôi kéo các đối tượng khác tham gia gây án. Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân xấu có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo H có thái độ khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về việc làm của bản thân, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại, do đó bị cáo H được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo H có 01 tiền án vào ngày 25/11/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 26 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 01/02/2014. Tuy nhiên đến ngày 01/11/2016 chưa được xóa án tích, bị cáo H đã phạm tội mới. Do đó lần phạm tội này của bị cáo H là tái phạm nên bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Trần Hoàng D có vai trò tích cực trong vụ án, là người chuẩn bị hung khí. Về nhân thân: Bị cáo D có nhân thân xấu, có tiền án chưa được xóa án tích. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo D có thái độ khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về việc làm của bản thân, bị cáo cũng đã tác động gia đình cùng anh A bồi thường cho các bị hại, do đó bị cáo D được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo D có 01 tiền án vào ngày 29/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày 29/9/2016 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên đến ngày 01/11/2016 chưa được xóa án tích, bị cáo D đã phạm tội mới. Do đó lần phạm tội này của bị cáo D được tính là tái phạm nên bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. và cần tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với Trần Hoàng D.

- Đối với bị cáo Nguyễn Nam Q có vai trò giúp sức tích cực, điều khiển xe chở nhóm các bị cáo đến lán của bị hại L và sau khi nhóm các bị cáo gây án, Q đã điều khiển xe chở nhóm các bị cáo bỏ trốn khỏi hiện trường, cất giấu hung khí. Về nhân thân: Bị cáo Q có nhân thân xấu, có nhiều tiền sự, đã bị xử phạt hành chính nhiều lần (đã được xóa) Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành

khẩn và ăn năn hối cải về việc làm của bản thân, cũng tác động gia đình thống nhất bồi thường cho các bị hại. Ngoài ra bị cáo Q có bố là ông Nguyễn Đăng H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên bị cáo Q được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh S mặc dù không có mâu thuẫn gì với các bị hại tuy nhiên tham gia với vai trò tích cực, là người trực tiếp gây thương tích ở vai của Lữ Văn L. Về nhân thân: Bị cáo S có nhân thân tốt. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về việc làm của bản thân. Mặt khác, quá trình điều tra, bị cáo đã tự đến cơ quan Công an đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đồng thời sau khi sự việc xảy ra, bị cáo cũng đã cùng với anh Đỗ Văn A đứng ra bồi thường cho các bị hại. Do đó bị cáo S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Hiếu không có tình tiết tăng nặng. Xét bị cáo S có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có xác nhận của chính quyền địa phương; không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, nên việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ thời gian để các bị cáo tu dưỡng, rèn luyện bản thân.

Ngoài ra các bị cáo được các bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Nguyễn Minh S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 46 bộ luật Hình sự năm 1999.

Về bồi thường dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, Đỗ Văn A (anh trai của Đỗ Văn H) đã nhờ chị Nguyễn Thị Hằng P bồi thường cho anh Hoàng Văn T 20.000.000 đồng, Nguyễn Văn C 40.000.000 đồng. Lữ Văn L và Hoàng Thị Q không yêu cầu bồi thường, số tiền trên anh Đỗ Văn A bồi thường thay cho tất cả các bị cáo. Tại phiên tòa các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Việc anh Đỗ Văn A đứng ra bồi thường là các bị cáo biết và tác động, gia đình bị cáo H, bị cáo S có đóng góp, tác động vào việc bồi thường. Tại phiên tòa hôm nay, những người bị hại vắng mặt nhưng tại hồ sơ các bị hại thể hiện không có yêu cầu gì thêm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh A không có yêu cầu gì. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các bị hại và anh A bồi thường xong.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với 13 con dao, kiếm các loại, 04 tuýp sắt tròn và 03 gậy gỗ là phương tiện phạm tội của các bị cáo do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Nguyễn Minh S phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20; Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị Quyết 41/2017/QH14, Khoản 3 Điều 7, Khoản 2 Điều 134 bộ luật Hình sự sửa đổi 2015. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/12/2016.

Áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1,2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33, Điều 51; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị Quyết 41/2017/QH14, Khoản 3 Điều 7, Khoản 2 Điều 134 bộ luật Hình sự sửa đổi 2015. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng D 02 (Hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của bản án số 104/2016 ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án bị cáo Trần Hoàng D phải chấp hành là 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/12/2016.

Áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20 Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị Quyết 41/2017/QH14, Khoản 3 Điều 7, Khoản 2 Điều 134 bộ luật Hình sự sửa đổi 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Nam Q 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2017.

Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q 45 ngày kể từ ngày tuyên án (24/8/2017).

Áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60; Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị Quyết 41/2017/QH14, Khoản 3 Điều 7, Khoản 2 Điều 134 bộ luật Hình sự sửa đổi 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 24/8/2017. Giao bị cáo Nguyễn Minh S cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Minh S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về bồi thường dân sự: Công nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa các bị hại Nguyễn Văn C, Hoàng Văn T và anh Đỗ Văn A đã bồi thường xong.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 13 (mười ba) con dao, kiếm các loại, 04 (bốn) tuýp sắt tròn và 03 (ba) gậy gỗ. Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2017.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đỗ Văn H, Trần Hoàng D, Nguyễn Nam Q, Nguyễn Minh S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo, người bị hại, có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Công an huyện Chi Lăng;
- CCTHA dân sự huyện Chi Lăng;
- Các bị cáo;
- Người BH;
- Lưu hồ sơ vụ án

Lộc Sơn Thái

